

TRƯỜNG ĐH PHẠM VĂN ĐỒNG
TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ - TIN HỌC

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI
KỲ THI CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN - NGÀY 30/7/2023

Phòng thi: 01

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Ghi chú
1	T1001	Đỗ Phú	Cường	19/05/1990	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	
2	T1002	Trần Vương Quỳnh	Chi	08/03/1980	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	
3	T1003	Nguyễn Công	Chính	20/05/1976	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	
4	T1004	Ngô Đình	Chương	17/01/1971	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	
5	T1005	Huỳnh Công	Dung	20/10/1994	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	
6	T1006	Nguyễn Tấn	Dương	23/12/1999	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	
7	T1007	Võ Thành	Đạt	01/01/1998	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	
8	T1008	Nguyễn Thị Kim	Đông	01/05/1999	Quảng Nam	Nữ	Kinh	
9	T1009	Võ Thu	Hiền	01/01/1994	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	
10	T1010	Phạm Văn	Hồng	06/02/1970	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	
11	T1011	Văn Thị	Hương	29/01/1992	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	
12	T1012	Nguyễn Phúc	Huy	16/12/1997	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	
13	T1013	Huỳnh Ngọc	Kính	21/02/1992	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	
14	T1014	Nguyễn Việt	Khoa	24/10/1999	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	
15	T1015	Lê Thị	Lan	10/08/1992	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	
16	T1016	Vương Thị Xuân	Lan	20/11/1981	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	
17	T1017	Nguyễn Hồng	Lâm	14/11/1984	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	
18	T1018	Nguyễn Thị Kim	Lê	15/04/1979	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	
19	T1019	Bùi Thị Kim	Liên	10/10/1993	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	
20	T1020	Nguyễn Thành	Long	08/10/1998	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	
21	T1021	Nguyễn Văn	Luận	10/10/1994	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	
22	T1022	Phạm Quang	Luy	14/11/1995	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	
23	T1023	Hồ Thị	Ly	16/06/1998	Quảng Ngãi	Nữ	Co	
24	T1024	Lê Thị	Mến	10/04/1998	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	
25	T1025	Võ Thị Yến	My	23/10/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	
26	T1026	Đinh Văn	Năm	07/07/1993	Quảng Ngãi	Nam	H're	
27	T1027	Nguyễn Thị Kim	Ngân	15/01/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	
28	T1028	Phạm Đình	Nghệ	18/01/1970	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	
29	T1029	Đinh Thị	Ngoan	06/04/1995	Quảng Ngãi	Nữ	Co	

Danh sách này có: 29 thí sinh.

TRƯỜNG ĐH PHẠM VĂN ĐỒNG
TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ - TIN HỌC

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI
KỲ THI CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN - NGÀY 30/7/2023

Phòng thi: 02

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Ghi chú
1	T1030	Trịnh Quang Châu	Ngọc	12/10/1992	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	
2	T1031	Trần Đức	Nhân	10/11/1969	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	
3	T1032	Trần Trung	Nhi	27/02/1994	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	
4	T1033	Đặng Công	Phi	10/01/1991	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	
5	T1034	Huỳnh Tấn	Phiên	24/12/1967	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	
6	T1035	Phan Thị	Phong	09/05/1979	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	
7	T1036	Mai Thị Bích	Phượng	10/03/1994	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	
8	T1037	Huỳnh Văn	Quý	25/10/1997	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	
9	T1038	Lê Chí	Tâm	29/10/1990	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	
10	T1039	Lê Văn	Tiến	22/10/1988	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	
11	T1040	Lê Thị Kim	Tuyến	07/08/1992	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	
12	T1041	Phạm Thị	Tuyệt	14/12/1993	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	
13	T1042	Phan Thị Cẩm	Thanh	28/01/1990	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	
14	T1043	Võ Thị	Thanh	08/08/1979	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	
15	T1044	Nguyễn Thị Thu	Thảo	16/03/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	
16	T1045	Huỳnh Thị Bích	Thùy	10/10/1982	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	
17	T1046	Phùng Thị Cẩm	Thủy	22/12/1977	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	
18	T1047	Nguyễn Thị Ánh	Thư	15/05/2000	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	
19	T1048	Võ Thụy	Trang	22/08/1980	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	
20	T1049	Trịnh Ngọc	Tráng	11/11/1967	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	
21	T1050	Nguyễn Thị Huyền	Trâm	15/11/1995	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	
22	T1051	Phạm Thị	Trâm	01/04/1993	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	
23	T1052	Đinh Tấn	Trông	02/09/1974	Quảng Nam	Nam	H're	
24	T1053	Nguyễn Việt	Trung	24/12/1990	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	
25	T1054	Phạm Thị Kim	Vân	09/01/1998	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	
26	T1055	Phạm Thị Hồng	Vấn	01/03/1993	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	
27	T1056	Nguyễn Thị Tường	Vy	07/11/1994	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	
28	T1057	Phạm Thị Hà	Xuyên	02/07/1993	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	
29	T1058	Nguyễn Thị Khánh	Hoa	18/03/1978	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	Thi lại LT
30	T1059	Trần Thị Kiều	Liên	01/01/1983	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	Thi lại LT

Danh sách này có: 30 thí sinh.